

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 329/2025/DS-ST

Ngày: 27/3/2025

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Cao Văn Thiên.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Võ Văn Lợi;
- Ông Nguyễn Cửu Long.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Bùi Thị Xuân Thu – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa:** Ông Võ Cao Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 1900/2024/TLST-DS ngày 17/10/2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 679/2025/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1603/2025/QĐST-DS ngày 05/3/2025, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Đình H, sinh năm 1995

Địa chỉ: Số 479 đường N, phường L, thành phố Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Trình Thị T, sinh năm 1991; Địa chỉ: 22/18C Đường F, khu phố 5, phường H, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh – (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

(theo văn bản ủy quyền công chứng số 012980, quyền số 10/2024 TP/CC-SCC/HĐGD lập ngày 09/10/2024 tại Văn phòng công chứng Nguyễn Điệp).

**2. Bị đơn:** Ông Phạm Văn T, sinh năm: 1972 – (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 111A đường P, khu phố 8, phường L, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

(1) Nội dung nguyên đơn khởi kiện: Ngày 26/09/2022, tại trụ sở văn phòng công chứng Chu Kim Tâm, ông Nguyễn Đình H và ông Phạm Văn T ký kết Hợp đồng vay tiền công chứng số 004651 quyền số 09/2022TP/CC-SCC/HĐGD. Thực hiện nội dung thỏa thuận của hợp đồng ông H đã giao đủ cho ông Phạm Văn T số tiền vay

300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng), thời hạn vay 03 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất do hai bên thỏa thuận theo quy định của pháp luật, ông T sẽ trả lãi vào ngày 26 dương lịch hàng tháng. Hết thời hạn vay tiền ba tháng, đến ngày 26/12/2022, ông Phạm Văn T phải có nghĩa vụ trả lại toàn bộ số tiền đã vay 300.000.000 đồng cho ông Nguyễn Đình H. Thế nhưng, cho đến nay hơn 02 năm mà ông T vẫn không trả lại số tiền vốn đã vay, mặc dù ông H đã nhiều lần liên lạc yêu cầu ông T trả tiền, ông H cũng đã cho ông T thời gian để trả nợ, nhưng ông T không có ý định trả tiền. Điều này đã làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Đình H, để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, ông Nguyễn Đình H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

+ Buộc ông Phạm Văn T trả một lần toàn bộ cho ông Nguyễn Đình H số tiền gốc đã vay là 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng);

+ Buộc ông Phạm Văn T trả cho ông H số tiền nợ lãi trong hạn là 7.500.000 đồng = 300.000.000 đồng x lãi suất 10%/năm x 03 tháng thời gian vay.

+ Buộc ông Phạm Văn T trả cho ông H số tiền nợ lãi quá hạn là 101.250.000 đồng = 300.000.000 đồng x lãi suất 15%/năm x 810 ngày quá hạn trả nợ gốc.

(2) Bị đơn ông Phạm Văn T vắng mặt không có lý do, khi được Tòa án triệu tập lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, ông T tiếp tục vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm lần thứ nhất.

(3) Tại phiên tòa sơ thẩm mở lần thứ hai: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như trên, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị được xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Phạm Văn T tiếp tục vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai, không có giao nộp tài liệu chứng cứ, không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

(4) Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến: Tòa án đã tiến hành tố tụng từ khi thụ lý cho đến mở phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử và đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị được xét xử vắng mặt đề nghị Tòa án chấp nhận. Bị đơn ông Phạm Văn T đã được triệu tập họp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, áp dụng theo quy định tại Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành phiên tòa theo thủ tục chung và xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn. Về nội dung vụ án: yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ và hợp pháp, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được kiểm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ kiện: Giữa ông Nguyễn Đình H với ông Phạm Văn T phát sinh tranh chấp từ hợp đồng vay tiền, thuộc trường hợp được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tại thời điểm Tòa án thụ lý giải quyết vụ kiện, bị đơn ông Phạm Văn T đang thực tế cư trú tại địa chỉ số nhà 111A đường Phan Đát Đức, khu phố 8, phường Long Thạnh Mỹ, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều

35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị được xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Phạm Văn T vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Căn cứ vào sự thừa nhận và không phản đối của các bên đương sự, căn cứ Hợp đồng vay tiền công chứng số 004651 quyền số 09/2022TP/CC-SCC/HĐGD hai bên ký ngày 26/9/2022 tại Văn phòng công chứng Chu Kim Tân, áp dụng theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định: Vì mục đích vay tiền là để tiêu dùng cá nhân, ngày 26/9/2022, ông Phạm Văn T có vay của ông Nguyễn Đình H số tiền 300.000.000 đồng, thời hạn vay là 03 tháng kể từ ngày ký hợp đồng vay, lãi suất các bên thỏa thuận theo quy định của pháp luật và trả lãi vào ngày 26 của mỗi tháng. Thực hiện thỏa thuận của hợp đồng vay tiền ông H đã giao cho ông Phạm Văn T đủ số tiền 300.000.000 đồng ngay sau công chứng hợp đồng vay tiền, nhưng ông T không thực hiện nghĩa vụ trả lãi hàng tháng cũng như trả lại số tiền nợ gốc đã vay khi đến hạn. Hội đồng xét xử nhận thấy, đến nay thời hạn vay theo thỏa thuận giữa các bên đã hết nhưng ông Phạm Văn T chưa trả lại tiền nợ gốc đã vay cho Nguyễn Đình H là vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ trả nợ của bên vay tiền theo quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự. Xét thấy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn trả lại số tiền nợ gốc còn nợ là phù hợp với quy định tại Điều 463, 466 và Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Xét thấy, nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn ông Phạm Văn T phải có nghĩa vụ trả tiền lãi trong hạn là 7.500.000 đồng = 300.000.000 đồng tiền nợ gốc x lãi suất 10%/năm x 03 tháng thời gian vay; tiền lãi quá hạn là 101.250.000 đồng = 300.000.000 đồng tiền nợ gốc x lãi suất 15%/năm x 810 ngày quá hạn trả nợ gốc, là đúng với thời gian chậm trả và phù hợp với quy định của điểm b khoản 5 Điều 466 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Như vậy, tổng số tiền bị đơn ông Phạm Văn T phải có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Đình H theo quy định của pháp luật là: 408.750.000 đồng (trong đó số tiền nợ gốc là 300.000.000 đồng và tiền lãi là 108.750.000 đồng).

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Phạm Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn ông Nguyễn Đình H.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 186, Điều 227, Điều 228, Điều 233, Điều 235, Điều 238, Điều 266, Điều 273, Điều 280, Điều 482 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 357, 463, 465, 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc ông Phạm Văn T có nghĩa vụ trả lại cho ông Nguyễn Đình H tổng số tiền còn nợ là 408.750.000 đồng (trong đó số tiền nợ gốc là 300.000.000 đồng và tiền lãi là 108.750.000 đồng)

Kể từ ngày ông Nguyễn Đình H có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Phạm Văn T không thực hiện hoặc chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì hàng tháng ông T còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm 20.350.000 đồng buộc ông Phạm Văn T phải nộp theo quy định. Trả lại cho ông Nguyễn Đình H số tiền tạm ứng án phí 8.796.576 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án có ký hiệu: BLTP/24P và số 0067038 ngày 06/11/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

**Nơi nhận:**

- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND Tp.Thủ Đức;
- CCTHADS Tp.Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu HS,VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Cao Văn Thiên**